



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HA VAN PHAN
Last Middle First

Current Address: 60 Ấp 1 Mỹ Phước Tân Cảnh Sơn Bé

Date of Birth: 12/7/29 Place of Birth: VN

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 7/75 To 7/1/83
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5235, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL # _____
I-171 : Yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM HÀ VÂN PHAN
Last Middle First

Current Address 60 ấp 1 Mỹ Phước Bến Cát Sông Bé

Date of Birth 24-01-1929 Place of Birth Thị trấn Bến Cát Bình Dương

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From -7-1975 To 01-7-1983

SPONSOR'S NAME: Nguyễn Như Trọng (field officer)
Name

USA
Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

Nguyễn Như Trọng
Trần Văn Nguyễn

USA (field officer) } friend and
USA (field officer) } supervisor

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: October 18th 1989

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : H A VAN PHAN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE PLACE OF BIRTH : 01 27th 1927
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Trang gia dinh):

RESIDENCE IN VIETNAM : 60 ấp 1 Mỹ Phước Bến Cát Sông Bé
(Thị trấn tại Viet-Nam)

PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): -7-1975 To (Den): 01-7-1983

PLACE OF RE-EDUCATION: Gia Trung camp (giải-trung)
(Trại tu)

PROFESSION (Nghề nghiệp) officer (current profession: farmer)

EDUCATION IN U.S. (Du học tại Mỹ): _____
ARMY (Quân đội VN) Rank (D cấp bậc): Lieutenant 1st
GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X _____
IV Number (Số hồ sơ): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So người đi theo): 08
(Ten thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 59 Cù Xá Kiên Thiết
Ấp Hưng Phú Xã Hiệp Phú Thủ Đức TP Hồ Chí Minh

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ)
Nguyễn Như TRỌNG (field officer) friend and supervisor
Trần Văn Nguyễn (field officer) friend and supervisor

US CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): friend and supervisor

NAME SIGNATURE: Phan Phan

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Chú ký, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc này) Hà Văn Phan
60 ấp 1 Mỹ Phước Bến Cát Sông Bé
10 18th 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Hà Văn Phan
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) Nguyễn Thị Liêm	th 15-7-1928	Wife
2) Hà Kim Long	22-9-1952	Son
3) Hà Kim Phước	09-02-1955	Son
4) Hà Thị Kim Hương	13-04-1959	daughter
5) Hà Thị Kim Hoa	11-06-1961	daughter
6) Hà Thị Kim Cúc	01-11-1963	daughter
7) Hà Thị Kim Loan	21-08-1965	daughter
8) Hà Kim Sơn	15-03-1970	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0435

TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV #
VEWL #
I-171 : Yes,

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM H A V A N PHAN
Last Middle First

Current Address 60 ấp 1 Mỹ Phước Bến Cát Sông Bé

Date of Birth 27-01-1927 Place of Birth Thị trấn Hòa Bến Cát Bình Dương

X Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From -7-1975 To 01-07-1983

SPONSOR'S NAME: Nguyễn Như Trọng (field officer)
Name

USA
Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>Nguyễn Như Trọng (field officer)</u>	<u>Friend and Supervisor</u>
<u>Trần Văn Nguyễn (field officer)</u>	<u>Friend and Supervisor</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: October 18th 1989

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HA VAN PHAN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE PLACE OF BIRTH : 01 27 1928
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Hàng trạng gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 60 ấp 1 Mỹ Phước Bến Cát Sông Bé
(Địa chỉ tại Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : -7-1975 To (Den) : 01-7-1983

PLACE OF RE-EDUCATION : Gia-Trung camp (Gia Lai Kontum)
(Trại tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) officer (current profession) : Farmer

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
RANK (Quangдол VN) Rank (Dap bac) : Lieutenant 1st

X GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____

QUALIFICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X No (Khong) : _____
IV Number (So ho so) : _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 08
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 59 Cù Xá Kiên Chiết
Ấp Hưng Phú Xã Hiệp Phú Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh

ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro) :
Nguyễn Văn Trọng (field officer) friend and supervisor
Trần Văn Nguyễn (field officer) friend and supervisor

US CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : friend and supervisor

INFORMANT SIGNATURE : John Phan

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này) Hà Văn Phan
60 ấp 1 Mỹ Phước Bến Cát Sông Bé
10 18 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Hà Văn Phan
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) Nguyễn Thị Liêm	15 th - 07-1928	wife
2) Hà Kim Long	22 - 09-1952	Son
3) Hà Kim Phước	09 - 02-1955	Son
4) Hà Thị Kim Hương	13 - 04 - 1959	daughter
X 5) Hà Thị Kim Hoa	11 - 06 - 1961	daughter
6) Hà Thị Kim Cúc	01 - 11 - 1963	daughter
7) Hà Thị Kim Loan	21 - 08 - 1965	daughter
8) Hà Kim Sơn	15 - 03 - 1970	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION

X

BỘ NỘI VỤ
Cục QL và CTFN
TRAI GIA TRUNG
Số: 1488

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----
Hà Trung, ngày 01 tháng 02 năm 1983

SHSLD : 0:03:6:8:0:0:42:82:

GIẤY - R - TRAI

- Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ tướng chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với nhân công tự do và nhân công tự do cũ do cũ và đang phải phân động đến đang tập trung cải tạo.

- Căn cứ thông tư liên bộ quốc phòng Nội vụ số 7/TT-LB ngày 2 tháng 11 năm 1977 của thủ tướng chính phủ.

- Tại hành quyết định từ số: 21 ngày 01 tháng 06 năm 1983 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

GẤP GIẤY RA TRAI

/-/ và tên : HÀ VĂN PHAN năm sinh : 1927.

Sinh quán : Sông Bé.

Trú quán : 63 - Ấp 1, Xã Mỹ Phước, Bến Cát, Sông Bé.

Số lính : 29/026 139 cấp báo Trung úy

Chức vụ : Trưởng ban 2 thực ĐPQ trong bộ máy chính quyền nhân dân và các tổ chức chính quyền nhân dân của chế độ cũ trước khi ly do tha : Cải tạo tập trung.

Khi và phải tiếp tiếp nhận ngay giấy này, với ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thuộc huyện, quận : Bến Cát.

tỉnh, thành phố : Sông Bé và phải tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc quản chế và nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời gian quản chế : 12 (Mười hai) Tháng

- Thời gian đi đường : 05 ngày (kể từ ngày cấp giấy tra lai)

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp : 220700

Lên ngón tay trở phải
của : Hà Văn Phan

Đánh dấu số : không

Chữ ký của người
được cấp

KIỂM TRA
phó

PHÓ CHỦ TỊCH F.500-GK.7.

Hà Văn Phan

NGUYỄN VĂN TÙNG

Trịnh Ngọc 05.07.84
f. et h. et k

ffk

Sông v. h. d.

Lưu nhân
T. 03.05.84
mỹ quốc 03.05.84
Qua C. A. S.
Lưu nhân
mỹ quốc 03.05.84

Lưu nhân
T. 04.06.84
mỹ quốc 04.06.84
Qua C. A. S.
Lưu nhân
mỹ quốc 04.06.84

Lưu nhân
T. 08.07.84
Qua C. A. S.
Lưu nhân
mỹ quốc 08.07.84

Trịnh. 03.06.84
Lưu nhân

Lưu nhân
T. 04.08.84
mỹ quốc 04.08.84
Qua C. A. S.
Lưu nhân
mỹ quốc 04.08.84

Lưu nhân
T. 05.12.84
Qua C. A. S.
Lưu nhân
mỹ quốc 05.12.84

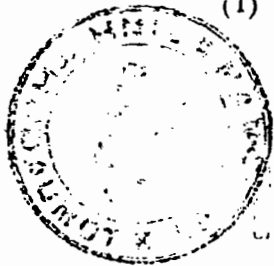
Lưu nhân
T. 03.09.84
Qua C. A. S.
Lưu nhân
mỹ quốc 03.09.84

MARIAGE DU 1^{er} DEGRÉ

Hôn thú bậc nhứt

Số hiệu 144

(1)



PHU HONPHARE

Nom et prénom de l'époux Tên, họ người chồng	Hoa văn Pham
Sa profession Làm nghề gì	làm ruộng
Lieu de sa naissance Sinh tại chỗ nào	Định Hoa (Chưa an một)
Date de sa naissance Sinh ngày nào	một ngàn chín trăm hai mươi bảy
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Mỹ Phước
Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)	Hoa văn Lam (chết)
Son âge Mấy tuổi	-
Sa profession Làm nghề gì	-
Son domicile Nhà cửa ở đâu	-
Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)	Nguyễn thị Săn (chết)
Son âge Mấy tuổi	-
Sa profession Làm nghề gì	-
Son domicile Nhà cửa ở đâu	-
Nom et prénom de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux. Tên, họ chủ hôn bên trai	Nguyễn văn Chôn
Son âge Mấy tuổi	bốn mươi một tuổi
Sa profession Làm nghề gì	làm ruộng
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Mỹ Phước
Nom et prénom de l'épouse Tên, họ người vợ	Nguyễn thị Siem
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	rõ chánh
Sa profession Làm nghề gì	làm ruộng
Lieu de sa naissance Sinh tại chỗ nào	Mỹ Phước
Date de sa naissance Sinh ngày nào	một ngàn chín trăm hai mươi bảy
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Mỹ Phước
Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)	Nguyễn văn Siem (chết)
Son âge Mấy tuổi	-
Sa profession Làm nghề gì	-
Son domicile Nhà cửa ở đâu	-

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chừa để lược biên án tòa cấp giấy hôn thú lại.

Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ vợ (chết sống phải nói)	Sĩ thi Ngựa (sống)
Son âge. — Máy tuổi.	38 năm
Sa profession. — Làm nghề gì.	làm việc nhà
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Mỹ Phước
Nom et prénom de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse Tên, họ chủ hôn bên gái.	Sĩ thi Ngựa
Son âge. — Máy tuổi.	38 năm
Sa profession. — Làm nghề gì.	làm việc nhà
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Mỹ Phước
Nom et prénom de l'entremetteur du mariage Tên, họ người làm mai.	—
Son âge. — Máy tuổi.	—
Sa profession. — Làm nghề gì.	—
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	—
Nom et prénom du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất.	Nguyễn Văn Công
Son âge. — Máy tuổi.	38 năm
Sa profession. — Làm nghề gì.	làm ruộng
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Mỹ Phước
Nom et prénom du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì.	Nguyễn Văn Nào
Son âge. — Máy tuổi.	38 năm
Sa profession. — Làm nghề gì.	chưa có việc
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Mỹ Phước

À Charavon le 18 septembre 1952
 Tại Mỹ Phước, ngày 20 tháng 9 năm 1952

Les époux,
 Vợ chồng

Hà Văn Pham (Ký)
 Nguyễn Thị Sáu (Ký)

Officier de l'État-Civil,
 Chức việc coi bộ đời,

Đoàn Đức Trọng
 (Ký)

L'entremetteur,
 Mai nhân,

Hà Văn Cam
 Nguyễn Văn Sữa

Les personnes qui ont procédé au mariage,
 Các người chủ hôn,

Nguyễn Văn Chôn (Ký)
 Sĩ thi Ngựa (Ký tay)

Les pères et mères,
 Cha mẹ hai bên,

Nguyễn Văn Công
 Nguyễn Văn Nào

Les témoins,
 Các người chứng,

Nguyễn Văn Công
 Sĩ thi Ngựa (Ký)

NOTA — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.
 CHÚ Ý — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM-PHẦN

Trích-lục văn-kiến thể-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H.G.R.Q. BÌNH-DƯƠNG

TOA HGRQ BÌNH-DƯƠNG

Một bản chánh giấy thể-vi khai-sanh

do Hà-văn-Phan xin cấp đã được

(1) Ngày 26-9-1963

Giấy thể-vi khai-sanh

cho Hà-văn-Phan

Ở Đặng-hữu-Thụ Chánh-Án Toà HGRQ Bình-Dương

với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 26-9-1963

và đã trước-bạ :

(1) Số 90

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Nguyễn-văn-Công, Nguyễn-văn-Quốc, Hà-văn-Thuần

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng : Hà-văn-Phan (Nam) sanh ngày 27-1-1927, tại làng Thối-Hòa, quận Bến-Cát, tỉnh Bình-Dương, là con của Hà-văn-Cam (chết) và Nguyễn-thị-Lân (chết).



TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Bình-Dương, ngày 3 tháng 10 năm 1963

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí : 500

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



96-10-10

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ

BỘ TƯ - PHÁP

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHÂN

Trích-lục văn-kiện thể-vì hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H.G.R.Q. BÌNH DƯƠNG

TOA HGRQ BÌNH DƯƠNG

Một bản chánh giấy thể-vì khai sanh

(1) Ngày 26-9-1963

do Nguyễn-thị-Liêm xin cấp đã được

Giấy thể-vì khai sanh

ở Đặng-hữu-Thụ Chánh-Án Toà HGRQ Bình-Dương

cho Nguyễn-thị-Liêm

với tư-cách Thăm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 26-9-1963

và đã trước-bạ :

(1) Số 103

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Nguyễn-văn-Công, Nguyễn-văn-Quốc, Hà-văn-Thuần

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng : Nguyễn-thị-Liêm (M) sanh ngày 15-7-1927, tại làng Mỹ-Phước, quận Bến-Cát, tỉnh Bình-Dương, là con của Nguyễn-văn-Sửa (chết) và Lê-thị-Ngà.



TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Bình-Dương, ngày 3 tháng 10 năm 1963

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí : 5000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



Ngô Thế Chí

NAM-PHÂN
TỈNH BÌNH-DƯƠNG

Xã MỸ-PHƯỚC

Số 134

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

(ĐỂ HỌP VÀO HỒ-SƠ HỌC-SINH)

TRÍCH-LỤC BỘ-KHAI-SANH



Tên, họ ấu-nhi	HÀ KIM-LONG
Nam hay Nữ	Nam
Ngày sanh	hai mươi hai, tháng chín, năm một ngàn chín trăm năm mươi hai.
Nơi sanh	Mỹ-Phước
Tên, họ người cha	HÀ-VĂN-PHÂN
Nghề-nghiep	Làm ruộng
Nơi cư-ngu	Mỹ-Phước
Tên, họ người mẹ	NGUYỄN-THỊ-LIÊN
Nghề-nghiep	Làm việc nhà
Nơi cư-ngu	Mỹ-Phước
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Nhận được chữ ký của Ủy-viên Hộ-Tịch Xã
Mỹ-Phước bên đây.

Bên Mỹ-Phước, ngày 19 tháng 4 năm 1965



Chuẩn-ủy TRẦN-THANH-LONG

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH,

Mỹ-Phước, ngày 19 tháng 4 năm 1965

Chủ-Tịch kiêm Ủy-viên Hộ-Tịch,



TRẦN-VĂN-BỘ

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

XÃ THỚI-HÒA

Số hiệu 28

(CẤP PHÁT CHO QUÂN-QUAN)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Tên, họ ấu-nhi	HÀ-THỊ-KIM-HOÀ
Nam hay Nữ	Nữ
Ngày sanh	Ngày mười một tháng sáu tháng-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi một.
Nơi sanh	THỚI-HÒA
Tên, họ người cha	HÀ-VĂN-PHAN
Nghề-nghiệp	Thượng-sĩ Bảo-an .
Nơi cư-ngụ	THỚI-HÒA
Tên, họ người mẹ	NGUYỄN-THỊ-LIỆM
Nghề-nghiệp	Làm việc nhà
Nơi cư-ngụ	THỚI-HÒA
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Nhận thực chữ ký của Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã

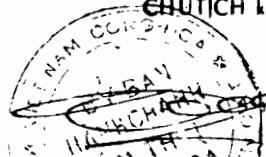
Pho' - Hoa bên đây.

Đầu Cát ngày 10 tháng 7 năm 1968

TRÍCH-LỤC Y BỘ CHÁNH

Thới-Hòa, ngày 09 tháng 07 năm 1968

CHỦ TỊCH KIỂM ỦY VIÊN HỘ TỊCH



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

(CẤP PHÁT CHO QUAN-NHÂN)

XÃ THỚI-HÒA

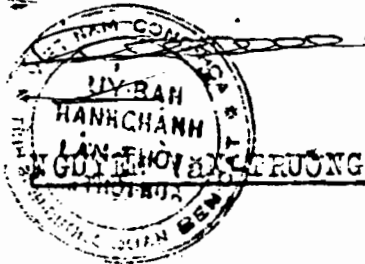
BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1970.

Số hiệu 38.

-CHỨNG-THẬT:

Chủ ký tên dưới đây
Ủy-Viên Hộ-Tịch
Xã Thới-Hòa -/-
Thới-Hòa ngày 28-3-70
XÃ-TRƯỞNG



Tên, họ đủ nhĩ	H A - K I M - S C H .
Phái	nam
Sanh	Ngày mười lăm, tháng ba DL Một ngàn chín trăm bảy mươi (1970)
(ngày, tháng, năm)	
Tại	Thới-Hòa (Bình-Dương)
Cho	HÀ VĂN-PHAN
(Tên, họ)	
Nghĩa	chuẩn-ủy
Cư trú tại	ĐPQ KEC 4825.
Mẹ	NGUYỄN THỊ-LIỆM
(Tên, họ)	
Nghĩa	nội-trợ
Cư trú tại	Xã PHƯỚC-LONG.
Vợ	Chàng hôn-thú số: 44, lập tại Xã Mỹ Phước ngày: 19-09-1952.
(Chạnh hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiểm Ủy-viên Hộ-tịch Xã THỚI-HÒA
ĐEN-CÁT, ngày 1 tháng 4 năm 1970
T. L. QUẬN-TRƯỞNG



Trưởng Ban Trích

Trích y bệ chính:

THỚI-HÒA, ngày 28 tháng 3 năm 1970
CHỦ TỊCH ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

VÕ VĂN-TRƯNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

XÃ THỜI-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH



Năm 1959

Số hiệu 56

CHỨNG-THẬT:

Chữ ký tên dưới đây
của Ông Ủy-Viên Hộ-
tịch PHẠM-VĂN-RÍ ./-
nơi đây, ngày 07/II/69

ỦY-VIÊN
HỘ-TỊCH
XÃ THỜI-HÒA
NGUYỄN-VĂN-TRƯỜNG

Tên, họ ấu nhi	HÀ-THỊ-KIM-HUONG (Việt-Nam)
Phái	Nữ
Sanh	Ngày mười ba tháng tư Dương-lịch (ngày, tháng, năm) một ngàn chín trăm năm mươi chín-1959.
Tại	THỜI-HÒA
Cha	HÀ-VĂN-PHAN
(Tên, họ)	
Nghề	Làm ruộng
Cư trú tại	THỜI-HÒA
Mẹ	NGUYỄN-THỊ-LIỆM
(Tên, họ)	
Nghề	Làm việc nhà
Cư trú tại	THỜI-HÒA
Vợ	Chánh
(Chánh hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
Kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã THỜI-HÒA
Bến-Cát, ngày 07 tháng II năm 1969
QUẬN-TRƯỞNG



Trích y bộ chính:

THỜI-HÒA, ngày 07 tháng II năm 1969

CHỦ-TỊCH HUY-VIÊN HỘ-TỊCH,

Phạm Văn Rí
PHẠM-VĂN-RÍ

Đang là Ủy viên Hộ tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH BÌNH-DƯƠNG

XÃ THỚI-HÒA

BỘ TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1963

Số hiệu 69



Tên, họ ấu nhi	HÀ-THỊ-KIM-CÚC
Phái	Nữ
Sanh	Ngày một tháng mười một Dương-lịch một ngàn chín trăm sáu mươi ba.
(ngày, tháng, năm)	Nhà báo-sanh MẠI-VĂN, Bến-Cát.
Tại	
Cha	HÀ-VĂN-PHAN
(Tên, họ)	Buôn bán
Nghề	THỚI-HÒA
Cư trú tại	
Mẹ	NGUYỄN-THỊ-LIÊM
(Tên, họ)	Làm việc nhà
Nghề	THỚI-HÒA
Cư trú tại	
Vợ	Chính
(Chánh hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-tịch

Mềm Ủy-viên Hộ-tịch Xã

Bến-Cát

27

03

9

, ngày tháng năm 196

QUẬN-TRƯỞNG.



Trưởng-ban Hộ-tịch

Trích y bản chính :

THỚI-HÒA

27

03

ngày tháng năm 196

CHỦ-TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

ỦY-BAN

HÀNH-CHÍNH

THỚI-HÒA



NGUYỄN-VĂN-TRƯỜNG

ĐND XÃ MỸ PHƯỚC
HUYỆN BẾN CÁT
TỈNH SÔNG BÈ-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

2

II. I ẤY KHAI SANH



Họ và tên: HÀ THỊ KIM LOAN

Nữ hay Nam: nữ

Ngày sinh: ngày hai mươi mốt tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu
mười lam (Dương lịch).

Nơi sinh: Lái thiêu.

Họ và tên cha: Hà Văn Phan

Nghề nghiệp: lính

Họ và tên mẹ: Nguyễn thị Liêm

Nghề nghiệp: nội trợ

Vợ chánh hay thứ: chánh

Người làm chứng thứ I: Phan thị Gái 24 tuổi, nghề nghiệp làm ruộng
hiện cư trú tại xã Mỹ Phước.

Người làm chứng thứ II: Lê thị Ngựa 64 tuổi, nghề nghiệp làm ruộng
Hiện cư trú tại xã Mỹ Phước.

BẾN CÁT, Ngày 5 tháng 8 năm 1977

Chấp bồi

Bản Sao y Bản
Hà Thị Kim Loan
THỦ XÍ PHÁP

Chức vụ

Phân lương

Ban công an cấp
Chấp a ban công an cấp huyện
Hà Thị Kim Loan. Chưa là
đại của 2 người làm chứng là chấp
5/8/77

ngân quỹ

FROM HÃ. VĂN-PHAN 60 Ấp 1 xã Mỹ Phước, Quận Bến Cát, Tỉnh Sông Bé Việt Nam.



R

7 5 5



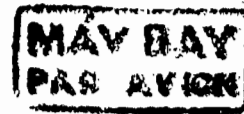
VIỆT NAM
3.8.89
HỒI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

TO

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
(Families of Vietnam Political Prisoners Association)
P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205.0639

U.S.A

NOV 21 1989



259-959 = 229801

CONTROL

☒ Card
☒ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☐ Membership; Letter

12/10/89